

THÀNH CHA

THÀNH ĐỒ BÀN BAN ĐẦU

NGÔ VĂN DOANH*

Như nhiều di tích cổ Chăm-pa khác, toà thành cổ có tên dân gian là Thành Cha đã được nhắc tới từ lâu. Ví dụ, trong sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử Quán triều Nguyễn, có ghi: “Thành cũ An Thành: tục gọi thành Bắc (có sách chép là thành Cha vì hai chữ có mặt chữ hơi giống nhau) ở thôn An Thành, phía đông huyện Tuy Viễn, do người Chiêm Thành xây, nay đã đổ nát, dấu cũ vẫn còn” (1). Thế nhưng, do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do thiếu hẳn những dấu tích vật chất chắc chắn, nên, cho đến tận giữa những năm 1980 của thế kỷ trước, toà thành này hầu như không được ai đi sâu khảo cứu. Ngay cả trong công trình khảo cứu đồ sộ vào đầu thế kỷ XX (cuốn: *Thống kê khảo tả các di tích Chăm ở Trung Kỳ*) của nhà nghiên cứu người Pháp H. Parmentier, thành Cha cũng không được nhắc tới (2). Vì thế mà, đến tận cuối những năm 1960 của thế kỷ trước, trong cuốn *Nước non Bình Định* in năm 1967, một loạt dấu tích các thành cổ ở Bình Định như thành Uất Trì, thành Cha, thành Súc... đều được tác giả Quách Tấn đặt dấu hỏi là: “không biết có phải là nơi các vua Chiêm Thành đã đóng đô hay không. Ai xây và xây thời đại nào? Không thấy sách nào nói

rõ. Duy thành Đồ Bàn sách sử có nói tường tận, và hiện còn nhiều dấu tích đáng xem” (3).

Năm 1986, chúng tôi (tôi và Lê Đình Phụng) được phối hợp cùng Bảo tàng tổng hợp tỉnh Nghĩa Bình (nay là hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định) tiến hành điều tra khảo cứu các di tích và di vật cổ Chăm-pa trên địa bàn của tỉnh. Và, trong đợt điều tra kéo dài suốt ba năm (từ 1986 đến 1988) này, chúng tôi đã tới điều tra toà thành có tên là Thành Cha tại ven bờ phía nam sông Kôn thuộc xã Nhân Lộc, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ngay sau đợt khảo cứu đầu tiên, trong bài viết *“Theo những dấu tích cổ của nền văn hoá Chăm-pa trên đất Nghĩa Bình”* (bài thứ hai) in trong Tạp chí Văn nghệ của Hội Văn học Nghệ thuật Nghĩa Bình, chúng tôi có viết như sau về toà thành Cha: “... đã nhiều năm trôi qua, kể từ ngày sử sách ghi lại, thành Cha vẫn còn, nhưng dưới dạng phế tích. Các bờ thành vẫn lừng lững chạy quanh bao lấy khu đất rộng giờ đã thành đồng ruộng và được gọi là cánh đồng Khẩu Hạ. Trong lòng thành, còn những bờ đất lẫn gạch vỡ nhô cao nối với nhau tạo thành một khu thành nhỏ ngay sát phía sông Kôn. Phải chăng đó là khu hoàng thành?”

* PGS.TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Đúng hay không thì phải chờ đợi nhất cuộc của nhà khảo cổ học. Tất cả chỉ còn lại có thể. Sử liệu thì ít ỏi và rất chung chung, bia ký thì không, hiện vật cũng chưa có gì ngoài mấy viên ngói ống trơn nhẵn và những viên gạch vồ lớn nằm rải rác quanh thành. Đã có dịp đi nghiên cứu nhiều tháp và thành của Champa ở suốt dải miền Trung, tôi thấy thành Cha là một trong những toà thành lớn bề thế của Chiêm Thành xưa. Thành Cha có từ bao giờ? Một câu hỏi chưa thể giải đáp được vì hiện nay chưa hề có một cứ liệu nào để xác minh. Vấn đề của thành Cha còn đang mở chờ đón những công trình nghiên cứu." Cũng trong đợt điều tra khảo cứu thành Cha lần đầu tiên đó, chúng tôi còn phát hiện ra một phế tích tháp cổ Champa khá lớn ngay tại địa bàn xã Nhân Lộc: di tích Hòn Nóc tại thôn Tráng Long. Không chỉ có Hòn Nóc, xung quanh khu vực thành Cha, tại một vài địa điểm khác trong xã Nhân Lộc, chúng tôi còn phát hiện các dấu tích và các hiện vật cổ Champa: đó là dấu tích của những kiến trúc cùng một số hiện vật cổ tại chùa Bửu Quang trên đồi Gò Lãng của thôn Hoà Mỹ, tại chùa Hậu Quán của thôn Mỹ Thạnh... Đặc biệt, tại chùa Hậu Quán, chúng tôi bắt gặp một bệ tượng bằng đá rất đẹp và rất hiếm trong nghệ thuật cổ Champa. Trong bài viết in năm 1988, chúng tôi đã mô tả hiện vật này như sau: "Khối đá ở chùa Hậu Quán không phải là tượng hay là một mảng trang trí kiến trúc mà là một bệ tượng vuông vức khá lớn (cao: 0,70m. và rộng cũng 0,70m.). Giữa mỗi mặt là một hình thu nhỏ của cái bệ lớn và bên trên là một vòm cung hình hoa lá được chạm khắc tinh tế. Từ hình quả trứng nhọn đầu trên đỉnh, có hai đường cong chạy xuống hai bên và uốn cong ra ngoài. Từ thân đường cong đó, như bay lên những cánh hoa hình ngọn lửa. Mặt trên của bệ

tượng có một ô vuông lõm sâu xuống làm nơi đặt tượng. Ngôn ngữ nghệ thuật cũng như các chi tiết của hoa văn ở bệ tượng này đều có một dáng vẻ trang nhã, cân bằng và hài hoà. Chúng gần với phong cách tạo dáng và chất thẩm mỹ của nghệ thuật Champa cuối thế kỷ X và đầu thế kỷ XI (tức phong cách Chánh Lộ)" (4).

Ngay trong đợt nghiên cứu đầu tiên đó, chúng tôi không chỉ nhận ra quy mô không phải là nhỏ của toà thành mà còn đã phát hiện ra những dấu tích và di vật có niên đại khá xưa ở xung quanh khu vực của thành Cha. Mặc dầu cũng đã bị phá huỷ nhiều, nhưng, so với những toà thành cổ Champa khác, thành Cha là một kiến trúc quân- dân sự khá lớn và còn khá nguyên vẹn. Xét về cấu trúc, thành Cha có hai khu Đông và Tây. Khu Đông có bình đồ hình chữ nhật: tường thành đông dài 345m, cao 3m - 5m, mặt thành rộng 28m - 31m, ở gần chính giữa tường thành có một cửa nước cất ngang rộng 27m thông với hệ thống bầu nước bên ngoài thành. Hệ thống bầu nước này được nối với sông Kôn ở phía Bắc để tạo thành hệ thống hào dưới chân thành; tường thành phía Nam dài 943m, hiện còn cao 2m- 3m và mặt thành rộng 27m- 32m, bên ngoài, dưới chân thành, là dấu vết hệ thống hào rộng chừng 45m, bên ngoài hào là các cánh đồng trũng mang những cái tên cũng rất trũng như Bầu Sen, Rộc Địa, Mảng Sâu...; tường thành phía Tây dài 352m, hiện còn cao 2m - 3m và mặt tường rộng 7m - 10m; tường thành phía Bắc dài 947m, hiện còn cao khoảng 1,00m, mặt tường rộng 3m- 5m; chính giữa tường thành là một gò đất cao 6m- 8m, có diện tích rộng chừng 200m vuông và được gọi là gò Cột Cờ, bên ngoài, dưới chân thành, là dòng sông Kôn. Khu Tây gắn kết với khu Đông bởi tường thành tây của khu Đông (nghĩa là tường thành đông của khu Tây)

và có bình đồ hình chữ nhật: tường thành nam dài 440m và là sự nối dài của tường thành nam của khu Đông, hiện còn cao 1,50m - 2m, mặt tường rộng 10m - 15m, bên ngoài là hào rộng (hiện còn rộng 3m-5m và sâu 1,80m - 2,50m); tường thành phía Tây dài 243m, còn lại cao 1,50m - 2,30m, mặt tường rộng 15m - 21m, chính giữa tường, cắt ngang là cửa rộng 30m, bên ngoài là hào rộng 3m- 5m và sâu 1,80m - 2,50m; tường thành bắc nối thẳng với tường thành bắc của khu Đông, còn lại cao 1,20m - 1,50m, mặt rộng 8m- 10m, chính giữa có cửa thông với sông Kôn. Trong lòng khu thành Đông, qua những dấu tích còn lại, có thể nhận ra một khu thành nội nằm về phía Tây. Tại khu vực “thành nội” này, đã phát hiện ra một số dấu tích của những công trình kiến trúc xưa (5).

Không chỉ ở Nhân Lộ mà, cách thành Cha không xa về phía tây, tại khu vực xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn hiện nay, hiện còn một số di tích và di vật Chăm-pa vào loại xưa nhất của tỉnh Bình Định. Đó là ngôi tháp Thủ Thiện với những hình điêu khắc đá đặc biệt. Theo phân tích và nghiên cứu của J.Boisselier, các điêu khắc đá của Thủ Thiện thuộc phong cách điêu khắc Chánh Lộ (nửa cuối thế kỷ XI) (6). Rồi thì, vào năm 1989, tại khu vực Núi Cấm (xã Bình Nghi), đã phát hiện ra một điêu khắc đá lớn và rất đẹp: chiếc lá nhĩ (trán của bằng đá có hình như cái tai) cao 1,20m. và rộng 1m. Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ tác phẩm điêu khắc đá rất đẹp và đặc biệt này. Trên mặt ngoài của lá nhĩ, là hình một phụ nữ đang múa trong tư thế hai chân chùng xuống và ban hai đầu gối về hai bên, hơi đưa hông về bên trái, tay trái chống bên hông, tay phải cầm mũi tên. Tám tay phụ như mọc ra từ phía sau lưng của người múa và được thể hiện uyển chuyển nhịp

nhàng trong những động tác múa khác nhau. Hai tay phụ trên cùng nắm tay nhau và làm động tác như đang dâng cúng một vật gì đó phía trên đầu; còn sau tay phụ kia thì mỗi tay cầm một vật: tù và ốc, cánh cung, và cakra (cây trượng) ở bên trái, chuông nhỏ, đoản kiếm và chiếc giáo ở bên phải. Người phụ nữ đang múa trên mình hai con thú quái makara mà đầu chúng quay về hai phía đối diện nhau. Qua những vật cầm tay, có thể xác định được hình người múa trên bức phù điêu núi cấm là nữ thần Uma (tính nữ hay vợ của thần Siva). Qua y và trang phục cũng như các nét đặc trưng của hình makara, chúng tôi cho rằng, chiếc lá nhĩ Núi Cấm còn giữ lại nhiều nét đặc trưng của phong cách Trà Kiệu (thế kỷ X) và hầu như chưa xuất hiện ở đây những yếu tố của phong cách điêu khắc Tháp Mắm (thế kỷ XII- XIV). Do vậy, có thể xếp điêu khắc Núi Cấm vào phong cách Chánh Lộ (thế kỷ XI) (7). Với kích thước khá lớn như vậy, chắc chắn kiến trúc mang chiếc trán của Núi Cấm sẽ phải không nhỏ. Và, tháng 7 năm 2000, chúng tôi đã trở lại điều tra Núi Cấm (hay Rừng Cấm) tại Bình Nghi 2, cách Thủ Thiện không xa về phía Tây. Những dấu tích gạch còn lại cho thấy, núi Cấm xưa kia đã từng là một khu đền tháp Chăm-pa lớn. Như vậy, Núi Cấm cùng với Thủ Thiện đã hợp thành một quần thể đền tháp thế kỷ XI ở phía Tây của thành Cha. Và, như thành Cha, cả hai khu kiến trúc tôn giáo này đều nằm về phía bờ Nam sông Kôn. Còn, dòng sông Kôn thì tiếp tục chảy tiếp từ thành Cha ra đầm Thi Nại để rồi hòa vào biển cả ở cửa biển Quy Nhơn (xưa gọi là Cri Bonei hay Thilìbìnại, nay là Thi Nại). Trên bờ đầm Thi Nại, thời Chăm-pa, theo “Nguyên sử” đã từng tồn tại năm cảng nhỏ, toà thành gỗ và hành cung của vua Chăm-pa.

Như vậy là, nếu nhìn trên tổng thể, có thể thấy thành Cha nằm ở vị trí trung tâm trong một hệ thống liên hoàn gồm các cụm kiến trúc Chămpa với những chức năng khác nhau bố cục dọc theo dòng sông Kôn; cụm cảng Thi Nại ở cửa sông phía Đông, trung tâm quyền lực thành Cha ở trung tâm và khu tôn giáo ở phía Tây. Phúc thể cấu trúc của thành Cha có nhiều nét giống phúc thể của kinh thành Trà Kiệu trên bờ, dọc theo sông Thu Bồn: cửa Đại Chiêm, thành Trà Kiệu và Mỹ Sơn. Thế nhưng, do chưa phát hiện ra những tư liệu có tính thuyết phục, nên, cho đến nay, thành Cha vẫn chỉ được nhắc tới như một di tích dân sự. Ngay từ cuối những năm 1980, với tất cả những gì được biết và điều tra được, chúng tôi đã có ý nghĩ cho rằng thành Cha chính là thành Chà Bàn ban đầu. Điều khiến chúng tôi suy nghĩ như vậy không chỉ là do quy mô và vị trí của toà thành gọi ra, mà còn do sự khẳng định của những truyền thuyết dân gian trong vùng. Một số truyện cổ được sưu tập tại huyện An Nhơn đều cho rằng, trước khi về định đô ở kinh đô mới (tức Vijaya), kinh đô của các vua Chămpa chính là thành Cha (tên người Việt gọi thành Chà Bàn của người Chiêm) (8).

Thế rồi, thật tình cờ, trong những lần đến làm việc tại Bảo tàng tỉnh Bình Định vào tháng 7 năm 2000, tháng 4 năm 2004 và tháng 6 năm 2005, chúng tôi được thấy những hiện vật phát hiện được ở thành Cha (có hiện vật đã được đưa ra trưng bày, có hiện vật còn giữ trong kho). Mặc dù số lượng không nhiều, nhưng, theo suy nghĩ bước đầu của chúng tôi, các hiện vật này đều có niên đại và phong cách cổ hơn so với phần lớn những tác phẩm điêu khắc được phát hiện ở thành Đồ Bàn mà cho đến nay vẫn được coi là kinh thành của Chămpa.

Trong số những hiện vật trên, đáng lưu ý nhất và cũng có giá trị nghệ thuật nhất là tác phẩm điêu khắc đá khá nguyên vẹn thể hiện một nữ thân hay một nhân vật phụ nữ nào đấy. Người phụ nữ được thể hiện bán thân và trong tư thế nhìn thẳng ra phía trước như nhô mình lên từ chiếc bệ phía dưới dài 0,47m và tựa lưng vào cả khối đá hình vòm cung như chữ u ngược cao 0,40m phía sau. Tất cả đều được tạc từ một khối đá nguyên. Người phụ nữ có thân hình nở nang với bộ ngực tròn và hai bắp tay chắc, khoẻ. Những khối hình của phần trên cơ thể, đặc biệt là hai bầu vú hiện lên khá rõ và thực, dù rằng, qua những đường nét quanh co, có thể nhận thấy một tấm áo choàng mỏng khoác bên ngoài. Tuy phần trán đã bị vỡ, nhưng khuôn mặt bầu bầu của người phụ nữ vẫn còn hiện lên thật rõ với cặp mắt có tròng mở to; đôi lông mày nổi cao và nối với nhau thành một đường vòng cung ở trên sống mũi; mũi to và bè; miệng không lớn và như đang nhếch mép mỉm cười; tai to và có lỗ tai dài đeo khuyên tai hình tròn. Phía sau đầu người phụ nữ là cả một vầng hào quang tròn có những tia tỏa ra.

Xét về hình tượng (nhân vật nữ được thể hiện bán thân dưới dạng phù điêu nổi) và kỹ thuật (hình người phụ nữ bán thân cùng vầng hào quang tròn quanh đầu tựa vào lưng ngai hình vòm cung như chữ U ngược ở phía sau), có thể dễ dàng nhận thấy tác phẩm của Thành Cha thuộc kiểu điêu khắc có một truyền thống rất xưa của nghệ thuật Chămpa, bắt đầu từ các tượng nữ bán thân được tìm thấy ở Phú Ninh, Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (một hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Hà Nội, ký hiệu: LSB 21206 và một tại Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng). Các tượng nữ bán thân này được thể hiện với những đặc trưng khá thống

nhất: mái tóc nặng nề uốn thành những xoáy ốc lớn dựa vào vầng hào quang phía sau; thân hình được tạc rất sơ sài, hình thù ngực và vai hầu như không được thể hiện; khuôn mặt có mũi khá dài và thẳng, có cặp mắt rất lớn nằm dưới vòng cung lông mày khá cách nhau, có đôi môi dày và hơi cong lên ở khoe; các chuỗi tóc xoáy ốc rất lớn thông xuống tận đôi vai, hai chuỗi tóc xoáy ở rìa trán xếp thành một loạt làn sóng cân xứng; đôi tai hoàn toàn bị mái tóc che kín để lộ ra đôi vòng đeo tai hình đĩa lớn thông xuống dựa xiên vào đôi vai. Các nhà nghiên cứu đã liên tưởng các tác phẩm của Tam Kỳ với các trang trí kiến trúc Kudu (nghĩa là: cửa sổ đầu hồi hình móng ngựa) có hình đầu người của Pra Pathom (thuộc nghệ thuật Môn Dvaravati ở Thái Lan) và của chandi Bhima (thuộc nghệ thuật Dieng ở Java, Indônêxia) và định niên đại trước thế kỷ VII cho các tác phẩm cùng loại của Champa (9). Xét về mặt tạo hình, tác phẩm của Thành Cha có những nét khác: phần ngực của nhân vật được thể hiện thật cụ thể và sống động, mái tóc xoáy ốc nặng nề không còn, đôi tai lớn và dài hiện rõ, vòng đeo tai chỉ còn là một chiếc vòng hình tròn không lớn, các tia hào quang được tả thực chứ không chỉ là một đĩa tròn phẳng, mắt có con ngươi, mũi to bè, cặp lông mày nhô cao và giao nhau... Tất cả những sự khác biệt trên cho thấy, hình người phụ nữ của Thành Cha phải thuộc một phong cách và niên đại muộn hơn.. Và, rất may là, đã có những tác phẩm điêu khắc rất giống với hiện vật của Thành Cha để so sánh: các điêu khắc đá phát hiện ở An Mỹ (cũng thuộc Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam) vào năm 1982. Trong ba tác phẩm của An Mỹ, chỉ có một tác phẩm là có nhiều nét giống với hình điêu khắc của Thành Cha: tác phẩm thể hiện hình bán thân của một nhân vật phụ nữ nào đấy.

Bức phù điêu An Mỹ (cao 0,48m và rộng 0,50m) thể hiện một người phụ nữ có khuôn mặt vuông vức, cặp má bầu bĩnh, đôi mắt lớn có hình con ngươi, mũi có hai cánh mũi rộng, đôi môi dày, miệng hơi mỉm cười, đôi tai dài và đeo hai khuyên tai lớn tựa vào bờ vai, cặp vú căng lớn, sau đầu là vầng hào quang tròn nhiều tia... Theo nghiên cứu của chúng tôi, ở hình người phụ nữ An Mỹ, vừa còn lưu giữ lại được một số nét đặc trưng của phong cách tượng Đồng Dương (cuối thế kỷ IX) như mặt vuông, mũi to..., vừa có những nét của phong cách Trà Kiệu (thế kỷ X) như nụ cười trên môi và tính thanh thoát của khối hình... Trên cơ sở những phân tích các yếu tố mang tính phong cách, chúng tôi cho rằng tác phẩm An Mỹ có niên đại thế kỷ X và thuộc phong cách điêu khắc Khương Mỹ (10).

Khi lần đầu được tiếp xúc với bức phù điêu của Thành Cha, chúng tôi đã nhận thấy sự giống nhau kỳ lạ của tác phẩm này với hình người phụ nữ An Mỹ mà mình đã nghiên cứu từ gần hai chục năm trước. Cả hai nhân vật nữ này đều có bộ ngực to và chắc, đều có khuôn mặt vuông với cặp mắt mở to có con ngươi, hai cánh mũi rộng, đôi tai to và dài, đầu tựa vào vầng hào quang tròn coa nhiều tia... Thế nhưng, nếu nhìn kỹ, sẽ thấy các khối hình điêu khắc của tác phẩm Thành Cha khoẻ hơn, và thô hơn của bức phù điêu An Mỹ, nhưng vẫn còn khá hiện thực và sống động. Các yếu tố mang tính tạo hình trên phần nào đã đẩy tác phẩm của Thành Cha gần với các tác phẩm của phong cách Chánh Lộ (đầu thế kỷ XI). Những yếu tố Chánh Lộ ở tác phẩm Thành Cha còn được thể hiện ở vòng cung lông mày nổi, ở sự mạnh mẽ của đôi môi và ở việc các tượng ít mang đồ trang sức trên người. Ngoài ra, chiếc vòng đeo tai hình tròn và tấm áo dính vào người của người phụ nữ

Thành Cha lại là những chi tiết đặc trưng của nghệ thuật tạc tượng người của phong cách Tháp Mấm (thế kỷ XII). Thế nhưng, xét tổng thể về nghệ thuật thể hiện, thì tác phẩm của Thành Cha chỉ mới ở thời kỳ đầu của phong cách Tháp Mấm chứ chưa trở thành một trong những tác phẩm mang đậm nét của phong cách này (11).

Không còn nghi ngờ gì, với cấu tạo như một bộ phận trang trí kiến trúc kiểu Kudu của ấn Độ, tác phẩm điêu khắc đá Thành Cha hẳn đã từng hiện diện trên một tòa kiến trúc đền tháp bên trong khu thành. Như vậy là, bộ phận còn lại của tòa kiến trúc đã đổ nát này đã góp thêm một bằng chứng vật chất cho việc xác định một niên đại sớm (thế kỷ XI) cho thành Cha. Mà, không chỉ hiện vật trang trí kiến trúc kiểu Kudu bằng đá mà chúng tôi vừa phân tích, các cán bộ Bảo tàng tỉnh Bình Định còn đã phát hiện và đem về Bảo tàng một số tác phẩm chạm khắc đất nung nhỏ khá đẹp: hình một phụ nữ ngồi chấp tay trước ngực, mảng thân phía trên (đã mất đầu) một phụ nữ và hình đầu một người đàn ông có bộ râu và ria dài. Rất tiếc là do các hình đất nung này không cái nào còn nguyên cả, nên chúng tôi không thể đưa ra một nhận xét cụ thể nào về từng tác phẩm được. Thế nhưng, theo cảm nhận của chúng tôi, sự thể hiện các khối hình còn khá hiện thực, mềm mại và sống động cũng như việc thể hiện tấm áo khoác dính sát vào thân khiến cho các phần cơ thể hiện rõ như không có mặc gì (ở hai hình phụ nữ) đã đẩy các hình đất nung này vào cùng niên đại và phong cách với tác phẩm điêu khắc Kudu bằng đá.

Qua nghiên cứu tổng thể những di vật và di tích của thành Cha và của các địa điểm liên quan xung quanh khu vực thành Cha, chúng tôi cho rằng, thành Cha có thể chính là thành Chà Bàn ban đầu. Chỉ mãi

sau này, do nhiều lý do, các vua chúa Chăm-pa đã xây dựng lại kinh đô Chà Bàn của mình, nhưng ở một địa điểm khác cách toà thành cũ không xa. Đó chính là toà thành hiện còn lại nhiều dấu tích ở xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn mà sử sách thường gọi là thành Đồ Bàn. Theo nghiên cứu của chúng tôi, tất cả những di tích và di vật Chăm-pa hiện còn và hiện được biết trong và ngoài khu vực thành Đồ Bàn đều có niên đại thế kỷ XII và muộn hơn. Như vậy là, các bằng chứng vật chất đã cho thấy thành Đồ Bàn có niên đại muộn hơn niên đại của thành Cha chừng cả hơn trăm năm (12). Trong khi đó, cho đến nay, theo chỗ chúng tôi được biết, tại thành Cha, chưa phát hiện được những dấu tích và hiện vật có niên đại từ thế kỷ XII trở về sau. Tất cả những cứ liệu vật chất đã cho thấy sự kế tiếp rất rõ về mặt thời gian của hai toà thành có vai trò là kinh đô Vijaya của vương quốc Chăm-pa từ năm 1.000 (khi vua Yan Pu-Ku Vijaya chuyển đô từ Indrapura về Vijaya) đến 1471 (khi vua Lê Thánh Tông chiếm được thành Đồ Bàn).

Rất tiếc là, cho đến nay, chưa thấy có một tư liệu thành văn nào nói về việc các vua Chăm-pa làm lại đô thành Vijaya của mình ở một địa điểm khác. Thế nhưng, cũng qua các tài liệu lịch sử, chúng tôi nghĩ rằng, rất có khả năng thủ đô Vijaya đã được làm lại ở chỗ khác vào những thời điểm mà đô thành này bị chiếm đóng và phá huỷ. Thời điểm thứ nhất là vào năm 1044, khi vua Lý Thái Tôn đánh Chiêm Thành. Trong cuộc binh Chiêm này, sau khi chém được vua Chiêm là Sạ Đẩu (Jaya Simhavarman II), bắt được hơn 30 thớt voi và hơn 5000 người, tháng 7, vua tiến quân vào thành Phật Thệ. Sau đấy, một vị tướng thuộc dòng quý tộc lên ngôi vua Chăm-pa, lấy hiệu là Jaya Paramesvaravarman I và

lập ra một vương triều mới. Thời điểm thứ hai xảy ra khi vua Lý Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành năm 1069. Các sử liệu cho biết, sau khi chiếm được Vijaya và bắt được Rudravarman II (tức Chế Củ), vua sai kiểm số tất cả các nhà trong và ngoài thành, cả thảy có hơn 2.560 khu, ra lệnh đốt hết. Theo chúng tôi, rất có thể, sau lần bị phá huỷ nặng nề này, đô thành Vijaya ban đầu này đã bị bỏ. Các sử liệu cho biết, sau thảm bại năm 1069, đất nước Chăm-pa lâm vào tình trạng bất ổn: khắp nơi trong xứ, hơn mười lãnh chúa tuyên bố độc lập và xưng làm vua, rồi đánh lẫn nhau để giành quyền bá chủ. Mãi đến năm 1074, khi có một vị hoàng thân tên là Than lên nắm quyền với danh hiệu là Harivarman IV, thì Chăm-pa mới dần dần hồi phục và mạnh lên. Những dòng bia ký mà vị vua này để lại ở Mỹ Sơn một lần nữa cho thấy mức độ mà vương quốc Chăm-pa bị tàn phá vì chiến tranh như thế

nào: “Kẻ thù đã vào vương quốc Chăm-pa và tự coi mình là chủ nhân ở đây; đã chiếm đoạt tất cả của cải của hoàng gia và của các thần; đã cướp bóc các đền thờ, các tu viện, các làng quê và các công trình nhà cửa khác nhau cùng cả ngựa, voi, bò, trâu và mùa màng; đã tàn phá tất cả ở các tỉnh của nước Chăm-pa...” (13). Từ tất cả những cứ liệu trên, chúng tôi nghĩ, có thể thành Chà Bàn thứ hai (hay Đồ Bàn) được xây dựng từ sau thời điểm năm 1074 này, khi vị vua Harivarman IV giành được quyền lực.

Do được làm sau và lại là kinh đô của Chăm-pa trong suốt nhiều thế kỷ tiếp theo, cho nên các dấu tích và hiện vật vật chất của toà thành Chà Bàn thứ hai này còn lại khá nhiều. Cũng vì vậy mà toà thành Chà Bàn ban đầu dần dần bị hư hại và bị lãng quên. Rất có thể, cái tên Cha của toà thành cũng là một hồi tưởng còn lại về một toà thành đã bị bỏ và quên lãng.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, (người dịch: Phạm Trọng Diễm, người hiệu đính: Đào Duy Anh), Tập 3, Nxb. Thuận Hoá, 1997; tr. 38.

(2). H. Parmentier, *Inventaire Descriptif des Monuments Chams de L'Annam*, (IC.), Paris, 1909.

(3). Quách Tấn, *Nước non Bình Định*, Nxb. Thanh Niên (tái bản), 1999, tr. 228.

(4). Ngô Văn Doanh, *Theo dấu tích cổ của nền văn hoá Chăm-pa trên đất Nghĩa Bình*, Văn nghệ, (tạp chí sáng tác, nghiên cứu, phê bình văn nghệ, Hội văn học nghệ thuật Nghĩa Bình), số 19, năm 1988, tr. 92-101.

(5). Di tích thành Cha được mô tả khá kỹ trong công trình “*Di tích văn hoá Chăm-pa ở Bình Định*” của Lê Đình Phụng (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 231- 239)

(6), (9). J.Boisselier, *La Statuaire du Champa*, Paris, 1963, tr. 127-128, 29-30.

(7). Ngô Văn Doanh: a) *Về bức phù điêu Chăm-pa mới tìm thấy ở huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định*, trong “*Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1992*”,

Viện Khảo cổ học, Hà Nội, 1993, tr. 287. b) *Tháp cổ Chăm-pa, sự thật và huyền thoại*, Nxb. Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 1994, tr. 110-111.

(8). Có thể tham khảo: Nguyễn Xuân Nhân, *Truyện cổ thành Đồ Bàn*, Nxb. Đồng Nai, 2000, tr. 60.

(10). Ngô Văn Doanh, *Bản vẽ nhóm hiện vật điêu khắc Chăm mới phát hiện được ở An Mỹ*, trong “*Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1985*”, Nxb. Khoa học xã hội, 1986, tr. 242-243. Và: Ngô Văn Doanh, *Ba phù điêu ở An Mỹ - nhóm tượng thân tài lộc Kubera đầu tiên của Chăm-pa được phát hiện*, trong “*Xưa và nay*”, số 111, tr. 38, 40.

(11). Về những đặc trưng của các phong cách Chánh Lộ và Tháp Mẫm trong nghệ thuật điêu khắc Chăm-pa, có thể xem: J.Boisselier, *La Statuaire du Champa*, Sđd. tr. 214-217 và 257-260.

(12). Ngô Văn Doanh, *Tháp cổ Chăm-pa, sự thật và huyền thoại*, Sđd, tr.77-85.

(13). Về những sự kiện lịch sử này, có thể tham khảo: Georges Maspéro, *The Champa Kingdom*, (translated by Walter E.J. Tips), White Lotus Press, Bangkok, 2002, tr. 61-74.